

NHỮNG CHỦ THỂ TRONG THƠ VIỆT NAM HAI MƯƠI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

ĐỖ THỊ THU HUYỀN^(*)

*Trái đất rộng thêm ra một phần vì bởi các trang thơ
(Số tay thơ - Chế Lan Viên)*

Tóm tắt: Sự thay đổi của thơ nói riêng, các loại hình văn học nghệ thuật nói chung đều bắt nguồn từ nhiều yếu tố, có thể là do nhu cầu tự thân của con người trong thời đại mới, có thể do tác động của hệ giá trị,... và quan trọng là do nỗ lực thích ứng, khả năng kiểm soát của mỗi “chủ thể”. Bài viết đặt giả thuyết rằng, thơ hai mươi năm đầu thế kỷ XXI đang ở ngã rẽ của những lựa chọn khả thể để tự phác họa một căn cước, và nhờ đó xác định được tính đặc thù. Hạn định những đánh giá với bộ phận thơ xuất bản trên lãnh thổ Việt Nam, bài viết tiếp cận thơ hai mươi năm đầu thế kỷ XXI từ ba chủ thể khác nhau: chủ thể tiếp nhận, chủ thể thực hành-sáng tạo, chủ thể trữ tình.

Từ khóa: thơ, thế kỷ XXI, chủ thể, xuất bản, thực hành-sáng tạo, tính dục.

Abstract: The changes in literature and art forms in general, and poetry in particular, derive from factors such as the intrinsic motivations of the artists and the audiences, changing values, and the adaptive and control abilities of “subjects”. The article hypothesizes that Vietnamese poetry, perceived from the receiving, creating and lyrical subjects, found itself at the crossroad of choices at the turn of the century and etched an identity for itself in the first two decades.

Keywords: poetry, 21th century, subject, publishing, creative performance, sexuality.

Thơ là một thực thể nghệ thuật khó định nghĩa và luôn luôn biến hình. Việc nhận diện và phác họa thơ hai mươi năm đầu thế kỷ lại càng khó vì thiếu một độ lùi cần thiết về thời gian cũng như giá trị. Nhưng có thể thấy, sự vận động và đổi mới của thơ nói riêng, các loại hình văn học nghệ thuật nói chung đều bắt nguồn từ nhiều yếu tố, có thể là nhu cầu tự thân của con người trong thời đại mới, có thể do tác động của hệ giá trị xã hội đã có và đang biến đổi, có thể là bởi những sự vận động mang tính nội sinh,... Quá trình tương tác mới đòi hỏi sự thích nghi và không ngừng tìm tòi một “căn tính” cho bản thân thể loại trong thời đương đại. Nỗ lực thích ứng, khả năng kiểm soát của mỗi yếu tố

đó tham gia vào quá trình vận động của thực thể nghệ thuật này đan cài vào nhau một cách phức tạp. Chúng tôi cho rằng, có thể xem xét thực thể nghệ thuật này từ ba góc độ: tiếp nhận, thực hành; sự biểu đạt; và tạm gọi những đối tượng tham gia vào từng hoạt động này là các chủ thể.

1. Thơ nhìn từ chủ thể tiếp nhận

Trước hết, cần nhìn nhận thơ từ một góc độ chính của khoa học văn học, đó là chủ thể tiếp nhận. Bởi lẽ như H.-R. Jauss nhắc lại ý của W. Bulst rằng “không có văn bản nào được viết ra cho những nhà ngữ văn đọc và giải thích” [6, tr.93]. Thơ đương đại không phải chỉ được viết cho các nhà phê bình mà trước hết là cho công chúng. Cần nhấn mạnh rằng, khái niệm chủ thể tiếp nhận mà chúng tôi sử dụng nhằm miêu tả một chủ thể trừu tượng, nhưng

^(*) TS. - Viện Văn học.

Email: dohuyenvhdt@gmail.com.

hiện diện trong suốt quá trình tác phẩm nghệ thuật, ở đây là các bài thơ được tiếp nhận. Trong một tầm nhìn phân loại về chủ thể tiếp nhận, có thể tạm nói đến hai nhóm công chúng: công chúng chuyên nghiệp và công chúng đại chúng. Chính nhóm công chúng chuyên nghiệp sẽ tham gia vào việc định giá vị trí của một nhà thơ, tác phẩm thơ trong không gian của họ thông qua hệ thống giải thưởng chuyên nghiệp. Nhóm công chúng rộng rãi sẽ liên quan đến hoạt động xuất bản, công bố, “tiêu thụ” tác phẩm nghệ thuật. Quan sát các giải thưởng và việc xuất bản, cùng với đó là các kiểu độc giả, bài viết sẽ phác ra một cách sơ lược (chắc chắn là chưa thể đầy đủ) về bức tranh chung của thơ hai mươi năm đầu thế kỷ - một chặng thơ nhiều chuyển động, đầy bất định.

1.1. Đối với các giải thưởng, đây là thơ của một công chúng hẹp, có chuyên môn, nhưng được giả định là đại diện cho sự quan tâm của công chúng rộng rãi. Những giải thưởng được xem xét ở đây đều thuộc hệ thống chính thức đã tồn tại trong nhiều năm, được công nhận chính thức bởi các đoàn thể mang tính Nhà nước. Sự định giá của hệ thống giải thưởng sẽ cho thấy các công chúng chuyên nghiệp, vốn khá hẹp so với công chúng rộng rãi, có cái nhìn riêng của mình về các nhà thơ đương đại, các sáng tác đương đại. Bài viết đề cập đến giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam (từ năm 2000 đến năm 2020), các hội nghề nghiệp có uy tín khác như Hội Nhà văn Hà Nội hay Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được dành trong một nghiên cứu khác.

Năm	Tác phẩm	Tác giả	Năm sinh	Giới tính	Nghề nghiệp ¹
2000	<i>Trầm tích</i>	Hoàng Trần Cương	1948	Nam	Nguyên TBT <i>Thời báo Tài chính Việt Nam</i>
	<i>Mua trong thành phố</i>	Lê Thành Nghị	1946	Nam	Nguyên Phó TBT <i>Văn nghệ quân đội</i>
	<i>Nhật lại thời gian</i>	Gia Ninh	1917	Nam	Nguyên Giám đốc Sở Thông tin tuyên truyền Trung bộ, BTV báo <i>Kháng chiến cứu quốc liên khu IV - Báo Nhân dân</i>
2001	<i>Cõi lạ (giải B)</i>	Thu Nguyệt	1963	Nữ	Báo <i>Tuổi trẻ</i> Tp. Hồ Chí Minh
	<i>Một ngọn đèn xanh (giải B)</i>	Trúc Thông	1940	Nam	BTV Đài Tiếng nói Việt Nam, BTV <i>Tạp chí Thơ</i>
	<i>Trên mặt đất (tặng thưởng)</i>	Đặng Huy Giang	1955	Nam	BTV <i>Tạp chí Nhà văn và tác phẩm</i>
	<i>Lời của lá (tặng thưởng)</i>	Nông Thị Ngọc Hòa	1955	Nữ	Trường Dự bị Đại học dân tộc Trung ương
2002	<i>Sóng reo</i>	Nguyễn Đình Thi	1924	Nam	Nhà thơ - chính khách
	<i>Ném câu thơ vào gió</i>	Bằng Việt	1941	Nam	Nguyên BCH Hội Nhà văn VN, Chủ tịch Liên hiệp Hội VHNT Hà Nội.
	<i>Thời hoa đỏ</i>	Thanh Tùng	1935	Nam	Công nhân, học viết văn Khóa V - Trường Viết văn Quảng Bá
	<i>Tìm trầm</i>	Nguyễn Xuân Thâm	1936	Nam	PGS, chuyên gia giáo dục ở Angola

¹ Nguồn thông tin: xem thêm [4].

2003	<i>Lễ tẩy trần tháng tư</i> (giải B)	Inrasara	1957	Nam	Nhà thơ, nghiên cứu văn hóa Chăm
	<i>Mùa không gió</i> (giải B)	Lê Thành Nghị	1946	Nam	Nguyên Phó TBT <i>Văn nghệ quân đội</i>
	<i>Thơ lục bát</i> (giải B)	Trần Mạnh Hào	1947	Nam	Từng công tác tại Tạp chí <i>Văn nghệ quân giải phóng miền Nam</i>
	<i>Áo giác</i> (giải B)	Tuyết Nga	1959		Học viện khu vực I (thuộc HV Chính trị - hành chính quốc gia Tp. HCM)
2004	<i>Giấc mơ hình chiếc thớt</i> (giải B)	Trần Quang Quý	1955	Nam	Nguyên PGĐ Nxb. Hội Nhà văn
	<i>Hoa</i> (giải B)	Lăng Thanh	1977	Nam	Từng công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Vĩnh Phúc (Mất năm 2002)
	<i>Tháp cúc</i> (tặng thưởng)	Trần Quốc Thực	1948	Nam	Từng làm BTV Báo <i>Văn nghệ</i>
	<i>Những con ngựa đêm</i> (tặng thưởng)	Nguyễn Việt Chiến	1952	Nam	Từng công tác tại Báo <i>Văn nghệ, Thanh niên, ...</i>
	<i>Tháp nghiêng</i> (tặng thưởng)	Hoàng Vũ Thuật	1945	Nam	Nguyên Chủ tịch Hội VHNT Quảng Bình
	<i>Bàn Xô-nát hoang dã</i> (tặng thưởng)	Trần Nhuận Minh	1944	Nam	Nguyên Chủ tịch Hội VHNT Quảng Ninh, Phó ban công tác nhà văn khu vực phía Bắc của HNV VN
2005	<i>Thức đến sáng và mơ</i> (tặng thưởng)	Phạm Thị Ngọc Liên	1952	Nữ	Từng công tác tại các báo <i>Văn, Công an Tp. HCM, Tiếp thị & Gia đình, ...</i>
	<i>Cho</i> (tặng thưởng)	Mai Linh	1959	Nam	Nguyên Giám đốc Trung tâm CNTT, kiêm TBT Báo <i>Tổ quốc</i>
2006	<i>Thương lượng với thời gian</i> (tác giả từ chối nhận giải)	Hữu Thịnh	1942	Nam	Nguyên Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam
	<i>Lô Lô</i> (tác giả từ chối nhận giải)	Ly Hoàng Ly	1975	Nữ	Công tác tại Nxb. Trẻ
2007	Không có giải thưởng				
2008	Không có giải thưởng				
2009	Không có giải thưởng				
2010	<i>Bầu trời không mái che</i>	Mai Văn Phần	1955	Nam	Công tác trong lĩnh vực Hải quan (tại Hải Phòng)
	<i>Sóng và khoảng lặng</i>	Từ Quốc Hoài	1942	Nam	Từng công tác tại báo <i>Văn nghệ giải phóng Trung Trung bộ</i>
2011	<i>Ngày linh hương nở sáng</i>	Đình Thị Như Thúy	1965	Nữ	Hội Liên hiệp VHNT Tp. Đà Nẵng
	<i>Hoan ca</i>	Đỗ Doãn Phương	1977	Nam	Công tác tại báo <i>Thể thao văn hóa</i>
2012	<i>Trường ca chân đất</i>	Thanh Thảo	1946	Nam	Nguyên Chủ tịch Hội VHNT Quảng Ngãi
	<i>Màu tự do của đất</i>	Trần Quang Quý	1955	Nam	Nguyên PGĐ Nxb. Hội Nhà văn
	<i>Giờ thứ 25</i>	Phạm Đương	1961	Nam	Phóng viên thường trú Báo <i>Lao động</i> tại miền Trung
	<i>Hoa hoàng đàn nở muộn</i> (bằng khen)	Khuất Bình Nguyên	1950	Nam	Nguyên phó viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao
	<i>Chất vấn thói quen</i> (bằng khen)	Phan Hoàng	1967	Nam	Phó Chủ tịch thường trực Hội, kiêm Chủ tịch Hội đồng Thơ-HNV Tp. HCM Khóa VII

2013	<i>Những lớp sóng ngôn từ</i>	Mã Giang Lân	1941	Nam	Giảng viên Đại học KHXH&NV Hà Nội
2014	<i>Trường ca - Kịch thơ</i>	Nguyễn Thụy Kha	1949	Nam	Kỹ sư thông tin - Binh chủng Thông tin, cán bộ Tuyên huấn
2015	<i>Long mạch</i>	Hoàng Trần Cương	1948	Nam	Nguyên TBT <i>Thời báo Tài chính Việt Nam</i>
	<i>Vườn khuya</i>	Trần Hùng	1957	Nam	Nguyên GD Sở VH TT & DL, Phó Chủ tịch tỉnh Cao Bằng
2016	<i>Vũ khúc Tây</i>	Y Phương	1948	Nam	Nguyên Phó ban thường trực Ban sáng tác Hội Nhà văn
	<i>Tổ quốc nhìn từ biển</i>	Nguyễn Việt Chiến	1952	Nam	Từng công tác tại Báo <i>Văn nghệ, Thanh niên, ...</i>
2017	Không có giải thưởng				
2018	Không có giải thưởng				
2019	<i>Bay trong mơ</i>	Trần Quang Đạo	1957	Nam	Nguyên TBT Báo <i>Nhi đồng</i>
	<i>Nguồn</i>	Trần Quang Quý	1955	Nam	Nguyên PGĐ Nxb. Hội Nhà văn
2020	<i>Bên trời</i>	Trần Kim Hoa	1966	Nữ	Trưởng Văn phòng đại diện Báo <i>Phụ nữ Tp. HCM</i> tại Hà Nội

Trên đây là diện mạo thơ hai mươi năm đầu thế kỷ được thể hiện qua hệ thống giải thưởng. Quan sát những thông tin trong bảng, dễ nhận ra là tuổi trung bình của các tác giả đoạt giải thuộc về thế hệ thành danh, đã sáng tác từ trước Đổi mới với độ tuổi trung bình (trong 20 năm) là 56, nhưng có độ dịch chuyển nhất định. Nếu trong mười năm đầu, độ tuổi dao động trung bình là 55,2, mười năm sau tuy có số lượng giải thưởng ít hơn (11 so với 26) nhưng độ tuổi tác giả đoạt giải còn tăng lên 57,4. Những tác phẩm của thế hệ 7X chiếm số lượng ít, và thế hệ trẻ là 8X, 9X hoàn toàn vắng bóng. Người được giải thưởng trẻ tuổi nhất là 27, và cao tuổi nhất là 83. Đặc điểm này cũng tương tự khi khảo sát Giải thưởng thơ của Hội Nhà văn Hà Nội và Hội Nhà văn Tp. Hồ Chí Minh. Những tác giả được trao giải đa phần là làm công việc liên quan đến báo chí, sáng tác, không ít trong số đó là những người làm nghề chuyên nghiệp. Việc số nhà thơ nữ chiếm tỉ lệ ít ỏi (6/43 giải) cũng cho thấy một sự mất cân đối đáng kể.

Về thành phần dân tộc, có hai nhà thơ được vinh danh và đều có những sáng tác đều đặn cho tới thời điểm này là Inrasara (Chăm) và Y Phương (Tày).

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam được coi là có uy tín nhất, được chờ đợi nhất đối với những người làm nghề, nên cũng là giải thu hút được sự quan tâm đáng kể của người viết trong cả nước. Tuy thế, nhìn vào giải thưởng, có những năm “mất mùa” thơ. Trong hai năm (2017 và 2018), Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam không có thơ (và cả văn xuôi), chỉ có sự kiện Hội quyết định thành lập Ban liên lạc các nhà văn Việt Nam ở nước ngoài với mục đích “thúc đẩy sứ mệnh đại đoàn kết dân tộc”¹. Tương tự, giải thơ năm 2007 và 2008 cũng

¹ Ban liên lạc do nhà thơ Hữu Thịnh - lúc bấy giờ là Chủ tịch Hội, làm Trưởng ban, với sự tham gia của các thành viên: nhà thơ Nguyễn Quang Thiều - hiện là Chủ tịch Hội, nhà thơ Nguyễn Phan Quế Mai (Philippines), nhà thơ Nguyễn Huy Hoàng (Nga), nhà thơ Võ Công Liem (Canada), nhà thơ Nguyễn Bá Chung (Hoa Kỳ), Nguyễn Lam Thùy (Hungari).

đề trông. Danh sách các tác phẩm thơ vào chung khảo của năm 2008 cũng rất ít ỏi, chỉ có ba tác phẩm: *U75 tỵ tình* (Lê Đạt); *Cõi lặng* (Nguyễn Khoa Điềm); *Phía bên kia cây cầu* (Đinh Thị Như Thúy). Năm 2009 cũng đề trông giải vì không có thơ hay¹ (hai tác phẩm được đề cử không nhận được đủ số phiếu quá bán, cũng tức là chưa thuyết phục được hội đồng chung khảo. Hội Nhà văn Hà Nội quyết định đề trông giải thưởng ở thể loại thơ và mong chờ sự khởi sắc trong năm tới).

Cuộc thi thơ trên Báo *Văn nghệ* (2019-2020) với 2 giải B được trao cho 2 tác giả Tòng Văn Hân (Điện Biên) và Nguyễn Văn Song (Hưng Yên), cùng 4 giải C, 6 giải khuyến khích. Cuộc thi cũng tạo dư luận mạnh mẽ vì những khen chê xoay quanh chất lượng bài thơ giải B (*Mẹ tôi chửi kẻ trộm* của Tòng Văn Hân) khi cho rằng tác phẩm đui cả về ý tưởng lẫn nghệ thuật thể hiện. Với hơn một vạn tác phẩm của 3.541 tác giả trong và ngoài nước tham dự, Ban Tổ chức cho rằng cuộc thi đã đem đến một đóng góp về tinh phát hiện, cảnh báo; đã chỉ ra vấn đề trung tâm hiện nay là tâm trạng xã hội, dường như đâu đó trong sâu thẳm con người ta vẫn chưa thực sự an tâm²... Việc tranh cãi khá gay gắt xung quanh bài thơ được giải Nhì, nhìn ở phía công chúng tiếp nhận lại là một dấu hiệu đáng mừng, bởi sự quan tâm và kì vọng dành cho thơ vẫn còn³. Trước dư luận ồn ào, dù Ban Tổ

chức cuộc thi đã “giải trình” là bài thơ có tứ lạ và hay nhưng cũng không thực sự thuyết phục được đa số độc giả yêu thơ. Giải thưởng cuộc thi thơ của Tạp chí *Văn nghệ quân đội* cũng thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo các tác giả, giải thưởng cũng chọn được những tác phẩm chất lượng tốt (năm 2015-2016 với Nguyễn Minh Khiêm, Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Quang Hưng, miên di,...). Trong cuộc thi thơ 2017- 2018 của Tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm*, Giải đặc biệt được trao cho cố nhà thơ Thanh Tùng - nhà thơ xuất sắc của một “thời hoa đỏ”. Các tác phẩm của cuộc thi đa phần đều thể hiện một thái độ sống có trách nhiệm trước đời sống hiện nay, “có thể coi những bài thơ này là đại diện cho cảm thức, tâm thế trong một nỗ lực hướng tới của từng cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định”⁴.

Ngoài ra, còn giải thưởng trong các cuộc thi sáng tác thơ do các báo, tạp chí văn nghệ hoặc các địa phương tổ chức, các chủ đề quen thuộc như biển đảo, thơ về mẹ, thơ quê hương, thơ về nhà giáo,... Có một điều đáng chú ý là vào đầu thế kỷ XXI, khi người ta nói nhiều đến sự đi xuống của thơ, sự thờ ơ của thơ thì lại là lúc xuất hiện những giải thưởng tư nhân về thơ văn. Giai đoạn thập niên đầu tiên cũng chứng kiến sự sôi động của đời sống văn chương. Điều này cho thấy, thơ vẫn luôn giữ một giá trị quan trọng trong sự phân bậc nghệ thuật cũng như mối quan tâm của người đọc. Đáng kể đến là Giải thưởng thơ nữ Lá trầu (*Bay lặng im* - Trang Thanh năm 2007); Giải thưởng Bách Việt trong 2 năm (*Ma thuật ngôn* - Trần Tuấn năm 2008 và

¹ “Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội 2009: Đề trông giải vì không có thơ hay” - Báo *Công an Nhân dân* điện tử (cand.com.vn), truy cập ngày 02/8/2021.

² Xem thêm: “Cuộc thi Thơ để lại nhiều tranh luận” (Nguồn: tienphong.vn).

³ Tìm kiếm trên google với từ khóa “Mẹ tôi chửi kẻ trộm”, cho khoảng 11.500 kết quả trong 0,34 giây (thời điểm tìm kiếm: 10h2p ngày 29/8/2021).

⁴ Tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm* trao giải Cuộc thi thơ 2017-2018 - Báo *Văn nghệ Việt Nam* (baovannghes.com.vn).

Một hôm núi khóc - Phạm Phú Hải năm 2009). Dĩ nhiên, ban chủ khảo của những giải thưởng này là các nhà thơ chuyên nghiệp, những người có uy tín trong nghề. Nhưng các đơn vị đặt ra giải thưởng lại là những đơn vị kinh doanh, mà đối với các đơn vị kinh doanh, mục tiêu kinh tế luôn là điều quan trọng. Những giải thưởng tư nhân cho phép tạo ra một cách giao tiếp theo phương án truyền thông hiện đại để các nhà sách hoặc nhà xuất bản tư nhân đến với một khối công chúng rộng rãi.

1.2. Diện mạo thơ đương đại hiện ra rõ rệt từ góc nhìn của công chúng đại chúng. Sự bùng nổ của thị trường đã tạo nên một sự năng động kinh tế, cho phép người làm thơ có nhiều cơ hội để tiếp cận công chúng. Điều đó giải thích cho việc lực lượng sáng tác và số lượng tác phẩm thơ ngày càng nhiều, với hình thức xuất bản phong phú. Sự nở rộ của các ấn phẩm về văn học nói chung, thơ nói riêng cho thấy sự hấp dẫn của thể loại, và dường như trái ngược với định kiến thông thường rằng, thơ đang bị chết dần trong đời sống hiện đại. Công chúng rõ ràng không hề ghẻ lạnh, thờ ơ mà vẫn dành sự quan tâm cho thơ. Khi bàn đến lực lượng sáng tác của mỗi chặng đường văn học lớn, nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn phân ra ba lớp (lớp trước, lớp giữa và lớp sau). Ông cho rằng, chủ lực của nền văn học bao giờ cũng ở lớp giữa bởi họ có sứ mệnh chính trong việc kiến tạo, xác lập và hoàn thiện hệ giá trị của thời mình [14].

Nhìn vào thơ hai mươi năm đầu thế kỷ, dường như không có “lớp” nào có thể đóng vai trò quyết định gương mặt thơ chung cho cả chặng. Những sáng tác xuất hiện đều đặn thuộc về những tác giả đã thành danh, và một thế hệ những tác giả trẻ lại làm cuộc trình hiện hết sức táo bạo và ồ ạt.

Có thể kể đến hai hình thức công bố phổ biến như là những cách tiếp cận thơ từ phía công chúng. *Thứ nhất*, các tác phẩm xuất bản theo lối truyền thống nhưng vẫn đánh dấu được sự chuyển mình riêng. Những tập thơ không chỉ đáp ứng sự đọc của công chúng đương đại, mà còn “như một hình thức mong muốn gửi tiếng nói từ thế-giới-tôi đi qua thế-giới-bạn, và thơ được sống trong những thế giới ngôn ngữ khác” [3, tr.3], *Mảnh mảnh mảnh* của Lê Anh Hoài, với bốn dịch giả: Lò Giàng Páo (tiếng Lô Lô), K’Thé (tiếng K’ho), Thạch Đờ Ni (tiếng Khmer), và Nguyễn Quang Thắng (chữ Nôm và thư pháp). Anh viết thơ bằng tiếng mẹ đẻ nhưng lựa chọn chuyển ngữ sang tiếng dân tộc thiểu số, bởi đó là “những cộng đồng gần mình nhất”. Không chỉ những tác phẩm xuất bản theo lối truyền thống mà những sáng tác hưởng ứng các cuộc thi cũng làm cho đời sống văn chương sôi động hơn (các cuộc vận động sáng tác về đề tài biển đảo; cuộc thi thơ lục bát, thơ quê hương,...). *Thứ hai*, sự ra đời của nhiều tập san, trang web về thơ của các tổ chức, cá nhân như một minh chứng về lực lượng tác giả, tác phẩm đông đảo; trong số đó, không ít tác phẩm tạo được tiếng vang¹. Sự bùng nổ của điều kiện hoạt động và giao tiếp trên mạng qua các trang web được cá nhân hóa, các blog, các trang facebook cũng tạo ra một cuộc cách mạng cho sự tương tác giữa người sáng tác và người đọc. Do đó, đối tượng tiếp cận của những sáng tác cũng đa

¹ *Viết và đọc* là ấn phẩm của Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam, ra mắt số đầu tiên (*Viết và đọc - Chuyển để mùa thu*) vào quý 3 năm 2018, được xuất bản hàng quý, đặt tên theo các mùa trong năm, dung lượng khoảng 300 trang với các chuyện mục phong phú, mỗi số đều dành dung lượng đáng kể giới thiệu những tác giả/ tác phẩm thơ.

dạng và phong phú hơn. Lợi thế này thuộc về phần nhiều những cây viết trẻ (bên cạnh uy tín của các trang cá nhân tác giả thành danh như Nguyễn Trọng Tạo, Mai Văn Phan, Inrasara,...).

Giai đoạn hiện tại, các trại sáng tác, các cuộc hội thảo, tọa đàm, các ấn phẩm công bố và trao đổi sáng tác đã và đang dần làm tương đối tốt việc phát hiện và khơi dòng; đồng thời có vai trò quan trọng trong việc kết nối trao đổi kinh nghiệm sáng tác giữa các tác giả cùng thế hệ và khác thế hệ với nhau. Thời đại kết nối toàn cầu, những tác giả trẻ luôn trong tâm thế sẵn sàng nhập cuộc và sẵn sàng tìm đến chia sẻ cùng nhau, qua nhiều kênh thông tin. Chính tâm thế thoải mái, tự do công bố tác phẩm và sòng phẳng, công khai trong việc nhận phản hồi giúp các tác giả trẻ nhanh trưởng thành hơn, kịp thời tích lũy cho mình những kinh nghiệm. Những hiện tượng xuất bản như Nguyễn Phong Việt với *Đi qua thương nhớ* (2012), *Về đâu những vết thương* (2016); Nguyễn Thiên Ngân với *Minh phải sống như mùa hè năm ấy* (2012); Nông Nàn Phô với *Anh ngủ thêm đi anh, em phải dậy lấy chồng* (2014) và *Yêu lần nào cũng đau* (2015); Lu với *Lấp kín một lặng im* (2015),... tạo ra sức hút với độc giả đại chúng, chính từ hiệu ứng mà mạng xã hội mang lại. Đa số họ theo một lộ trình công bố là từ blog yahoo rồi facebook. Họ nói chuyện tình yêu, tự sự về cuộc sống, điểm chung là hầu hết đều mang một nỗi buồn đẹp đẽ và thi vị; và lần nào xuất hiện cũng tạo nên “cơn sốt” đón đợi của bạn đọc trẻ.

Hai kiểu xuất bản vừa nêu là tương ứng với hai kiểu công chúng thơ. Sự biểu đạt hay các hình thức tồn tại của thơ cũng đều phù hợp với những kiểu công chúng

nhất định. Vẫn còn rất nhiều những sáng tác vẫn nhিপ êm tai, dễ cảm dễ thuộc, bởi mỗi kiểu loại có lí do tồn tại và nở rộ một cách chính đáng, phụ thuộc vào cộng đồng tiếp nhận. Đi qua giai đoạn coi văn chương là “vũ khí” (với vai trò “chiến sĩ” của văn nghệ sĩ trên mặt trận ấy), cũng đã gần tạm qua xu hướng để cái có ích, cái cao cả lấn át cái đẹp; văn học nghệ thuật hiện nay dường như đã vượt thoát khỏi một số rào cản để đổi mới ngày càng đa dạng và cởi mở hơn bằng chính những hoạt động của mình và cho mình. Sự vận động liên tục, vận động bằng thực tại và chấp nhận “phân mảnh”, đòi hỏi tiếp nhận thơ chính bằng thái độ cởi mở, thậm chí còn đòi hỏi được đọc bằng cả kĩ năng, kinh nghiệm. Mặt khác, trong điều kiện thời đại internet, nhíp cầu giữa bạn đọc và tác phẩm chưa bao giờ “bị gãy”; chỉ là đôi khi giữa người viết và người đọc, giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận có những sự lệch nhíp.

Cuối cùng, cần nói đến sự thay đổi mạnh mẽ của thị hiếu gắn với những sự đa dạng hóa công chúng. Không ít những ý kiến cho rằng, thơ bây giờ là để các nhà thơ đọc với nhau, để dành cho giới phê bình “tán tụng”, mà không dành cho số đông bạn đọc thông thường. Ý kiến khắt khe đó không hẳn không có lí, song cũng cần có một cái nhìn rộng rãi hơn, cởi mở hơn đối với sự tồn tại của thơ trong chính thực tại, chứ không chỉ căn cứ vào những sự đổi chiều với các tác phẩm lớn trong quá khứ. Bởi như trên vừa chứng minh qua những thông tin về xuất bản và giải thưởng, có thể thấy, thơ vẫn là một nhu cầu quan trọng của đời sống tinh thần với công chúng rộng rãi, chứ không chỉ với những nhà thơ chuyên nghiệp. Điều này được thể hiện rõ từ góc nhìn chủ thể thực hành-sáng tạo.

2. Chủ thể thực hành-sáng tạo

Những đổi mới quan trọng đưa thơ lại gần hơn với người đọc được thể hiện một phần nào qua sự hiện diện của chủ thể thực hành-sáng tạo. Hoạt động thực hành-sáng tạo dù không mới nhưng cũng cần được tính đến như một phần/ một điều kiện quan trọng cho sự tồn tại của thơ đương đại. Ở đây tạm xem xét hai vấn đề liên quan đến chủ thể thực hành-sáng tạo: việc *người đọc như chủ thể cấp nghĩa qua quá trình thực hành* và việc chủ thể thực hành-sáng tạo *chủ động lựa chọn những hình thức tồn tại* cho sáng tác của mình.

Người đọc trở thành chủ thể cấp nghĩa qua quá trình thực hành nghệ thuật, tức là làm cho tác phẩm nghệ thuật tồn tại. Sự thực hành-sáng tạo này được thể hiện rõ qua các hoạt động đọc và ngâm thơ, với rất nhiều hình thức đa dạng, thậm chí có cả sự phân bậc. Trước hết đó là sự thực hành sáng tạo “chuyên nghiệp”, dành cho những nhà thơ chuyên nghiệp và được thưởng thức một cách chuyên nghiệp. Bắt đầu từ năm 2003, Ngày thơ Việt Nam được tổ chức thường niên vào Tết Nguyên tiêu nhằm tôn vinh thơ ca. Đây là một hoạt động chính thức do Hội Nhà văn đứng ra tổ chức, thu hút sự tham gia của nhiều tác giả đã là hội viên Hội Nhà văn hoặc chưa, đã lớn tuổi hoặc còn rất trẻ. Mặc dù, có thể còn những ý kiến khác nhau về các hoạt động Ngày thơ, nhưng không thể không thừa nhận là đã diễn ra những hoạt động thú vị cho thấy nỗ lực thí nghiệm cách tân thơ không chỉ như một sản phẩm để đọc, mà còn như một hoạt động trình diễn mang tính trải nghiệm. Nói cách khác, thơ không còn là một thứ thuộc về thế giới khác, mà

thuộc về những hoạt động của cuộc sống, dĩ nhiên được chăm chút đến mức thành một thứ biểu đạt không dễ gì tiếp cận cho tất cả mọi khán giả. Đầu thế kỷ XXI diễn ra sự sôi động với cuộc đua của các thử nghiệm mới như: trào lưu tân hình thức, hậu hiện đại,... Tạo được sự chú ý và bàn luận sôi nổi, phải kể đến lối thơ trình diễn với Dương Tường, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh,... Những “tiết mục” này cũng thường xuyên xuất hiện trên sân khấu thơ trẻ của Ngày thơ. Không còn bị định kiến là thơ vốn mang tính nhạc, tính họa,... bởi thế, những cuộc trình diễn thơ “bổ sung” hiệu ứng âm thanh ánh sáng, hình ảnh và cả sân khấu được bài trí là một cách tạo hiệu ứng, đem đến một sự cảm nhận mới mẻ cho người thưởng thức (không còn chỉ là người đọc thơ, người nghe thơ).

Trong một không gian khác xa trung tâm hơn cũng diễn ra những hoạt động mà ở đó thơ tham gia rất sâu vào đời sống, như một hơi thở của đời sống. Những hoạt động này rõ ràng là không chuyên nghiệp, không do những nhà thơ chuyên nghiệp thực hiện, dù đối tượng được thực hành có thể là những bài thơ của những nhà thơ chuyên nghiệp. Đó là một dòng bên bi của những hoạt động đọc, ngâm thơ tập thể ở các câu lạc bộ, hội nhóm. Trong tiểu luận “Quê hương chum khế câu đầu trong thơ”: Thơ của những người yêu thơ và xây dựng một cộng đồng đổi mới”, Kate Jellema tìm hiểu bằng cách nào mà việc cùng chia sẻ những bài thơ, cùng uống trà, cùng thưởng thức đặc sản trong câu lạc bộ thơ nghiệp dư ở châu thổ sông Hồng có thể hình thành nên một cộng đồng khác ở Việt Nam trong thời kì đổi mới. Bằng cách xem xét những bài thơ của những người yêu thơ cao tuổi ở câu lạc

bộ thơ Đền Đô ở làng Đình Bảng¹, tác giả bài viết thấy rằng đã có những ý nghĩa mới về quê hương - quê nhà, bởi “ở Việt Nam ngày nay, những con người bình dị đang tạo dựng nên một không gian đạo đức về quê hương, dựa vào những kí ức về cộng đồng quốc gia đã được tập thể hóa” [13, tr.501]. Và, “đĩ nhiên quê nhà không phải là chủ đề duy nhất trong thơ ca của những nhà thơ nghiệp dư Kinh Bắc, các tác giả cũng dành các dòng thơ viết về những chủ đề khác như mùa xuân, tình bạn, Hồ Chí Minh, người mẹ, tình yêu lãng mạn và trải nghiệm cuộc sống. Nhưng những bài thơ quê nhà xuất hiện rất thường xuyên, đặc biệt nếu so sánh chúng với số lượng nhỏ nhoi của những bài thơ về thành phố hay thiên nhiên hoang sơ” [13, tr.509]. Dẫu không có những “cách tân táo bạo”, nhưng thơ được trình diễn như thể đã góp phần quan trọng vào việc tạo dựng những liên kết cộng đồng. Đó chẳng phải là một chức năng quan trọng của thơ? Trong

¹ Câu lạc bộ thơ này được thành lập năm 1994, với 50 hội viên (thời điểm bài viết công bố), họ xuất thân từ những tầng lớp khác nhau: từ người lính già tới cô giáo trẻ trường làng, từ anh nông dân cho đến cán bộ nghỉ hưu..., và đều không chuyên làm thơ. Mỗi năm họ họp mặt vài lần cùng chia sẻ những bài thơ, thường xuyên mời câu lạc bộ vùng khác giao lưu. Mỗi buổi giao lưu đều thực hiện theo một chương trình bài bản: nghi lễ tưởng nhớ các vị vua triều đại nhà Lý, phát biểu đề dẫn (45 phút), đọc thơ... Chính không gian sinh hoạt đó vừa đem đến một niềm vui tập thể, vừa nuôi dưỡng ước mơ, cảm xúc một cách hồn nhiên, thô mộc: *Về già càng nhớ quê hương/ Nhớ cha, nhớ mẹ thân thương của mình/ Cây đa, giếng nước, mái đình/ Cổng làng đông, mở in hình trong tôi/ Đến trường thầy xếp chỗ ngồi/ Vỡ rơi, mực đỏ tay bôi mặt hề/ Bật cua giữa buổi trưa hè/ Tắm ao quần áo chẳng che mảnh nào/ Thả diều gặp gió lên cao/ Chăn trâu, cắt cỏ lớn vào thanh niên/ Xung phong đi khắp mọi miền/ Dựng xây đất nước bình yên mạnh giàu/ Tuổi cao nổi nhớ càng sâu/ Quê hương chum khế câu đầu trong thơ (Nổi nhớ - Hồng Nha) [13].*

một nghiên cứu xã hội học về trường hợp Trần Dần, Phùng Kiên cho rằng, bên cạnh thơ “Trần Dần như một sự thể nghiệm” [10, tr.338] thì thơ Tố Hữu vẫn có một giá trị quan trọng, bởi tiếp cận được đông đảo quần chúng.

Sang đến những thập niên đầu thế kỷ XXI, thơ của xu hướng truyền thống vẫn tìm được không gian tồn tại cần thiết trong đời sống tinh thần của đông đảo quần chúng. Hoặc nói cách khác, quần chúng vẫn cần cho thi ca. Trong sự sôi động của những sự kiện, sự đông đảo của lực lượng sáng tác, tuy chưa hẳn từ bỏ vai trò và chức năng như quan niệm đã tồn tại từ lâu, văn học nói chung và thơ nói riêng đã chú trọng hơn ở sự khám phá thực tại, ở ý thức tự biểu hiện và đề cao tiếng nói chủ thể. Cái đa thanh, bề bộn của đời sống được khơi mở, chiếm lĩnh. Từ những lối thể hiện khác như vừa nêu (thơ câu lạc bộ, thơ tạo hình, thơ trình diễn), giai đoạn hai thập niên này, thơ có thể xem như là để thể hiện một cách khác về cái khác; thơ không chỉ để đọc mà còn để nhìn và để nghe/ tham dự. Quá trình tìm kiếm sự đổi mới này, vừa là để tìm ra sự khác biệt cho sáng tác của mình, vừa đồng thời là tìm kiếm chủ thể sáng tạo.

Bên cạnh sự cấp nghĩa của chủ thể sáng tạo-thực hành là người đọc, người thường thức; còn có *sự chủ động lựa chọn thể loại của chủ thể sáng tạo* là các nhà thơ. Sáng tạo tự do trong một điều kiện xã hội mới, một ý thức mới chi phối, văn học hai thập niên đầu thế kỷ đã có những bước vận động đáng kể. Không khí tươi mới, đa dạng bao trùm, những sáng tác theo quán tính cũ dường như bị lãng quên nhanh chóng, thay vào đó là sự chào đón những thử nghiệm. Trong khi có một số cách tân nặng về phô bày, thì kiểu thơ chú

trọng tạo tứ, biểu ý và giữ được nhịp (và vần) vẫn có đông đảo độc giả yêu thích. Đó là sự vận động của nhịp điệu hiện thực, thứ nhịp điệu không ổn định trong một đời sống nhiều bất trắc. Và do đó, xu hướng cách tân, đề cao tính tạo nghĩa cho thơ, phóng túng trong ngôn ngữ và biểu thị ý nghĩa không chỉ từ hình ảnh mà từ cấu trúc tổng thể của bài thơ được nhiều người viết hưởng ứng. Việc phá vỡ đường biên thể loại là một chủ đích, cũng như việc làm nhòe nghĩa, tạo dựng các biểu tượng. Các nhà thơ theo xu hướng truyền thống vẫn ưa sử dụng các thể loại quen thuộc như lục bát, năm chữ, bảy chữ,... Trong khi đó, các nhà thơ cách tân (và cách tân trên nền truyền thống) hướng tới sự đa dạng hơn trong hình thức lựa chọn, nhưng nhìn chung vẫn là sự thể hiện được khởi đi từ Trần Dần, Lê Đạt,... Ở những thể loại cũ, dưới cách làm mới, một diện mạo mới được sáng tạo, phá bỏ những định kiến của người đọc. Thế hệ những người viết trẻ, dù khát khao một sự bút phá nhưng không hẳn là đoạn tuyệt với thể loại truyền thống, chẳng hạn như với lục bát: một bên như Nguyễn Thế Hoàng Linh, Lu giản dị, nghịch ngợm; một bên như Nguyễn Thiên Ngân yếu điệu; họ không chỉ khác nhau mà đã rất khác với thế hệ đi trước như Nguyễn Trọng Tạo, Lê Đình Cánh, Trương Nam Hương, Đồng Đức Bốn,...

Khi thơ không bị khóa cho nó những sứ mệnh lớn lao, dường như nó được tự do hơn, giản dị hơn. Xu hướng hiện nay, thơ hướng đến tính đa chủ thể dựa trên kiến trúc mở của toàn bài. Tổng thể một bài thơ tự thân tạo ra nghĩa vì nó gọi cho độc giả sự gọi mời khám phá, vì thế độc giả góp phần cấp nghĩa cho bài thơ. Đặc trưng này liên quan đến tư thế chủ thể trữ tình, bởi

đó không còn là giọng điệu như xưa vốn gắn với từng câu chữ; mà dựa trên quan hệ tổng thể cả bài thơ như một kiến trúc hoàn chỉnh, ví dụ sự lặp câu hay lặp từ, sự tương quan giữa các câu. Đáng kể tới như: Nguyễn Quang Thiều với *Cây ánh sáng*, Mai Văn Phan với *Biển tấu con qua*, Nguyễn Bình Phương với *Một mùa hè mọi thứ áp vào nhau*, Nguyễn Linh Khiếu với *Nước trời*, Lê Vĩnh Tài với *Bài thơ về sự cá nết*, Nguyễn Minh Khiêm với *Đổi thoại ở rừng*, miên di với *Vợ đi lấy chồng*,...

Trong một nền văn học, luôn tồn tại những sự phân tầng, sự tranh chấp về mặt thứ bậc. Trong việc nhìn nhận ảnh hưởng về mặt nghệ thuật thơ, không thể không kể đến Nguyễn Quang Thiều. Năm 1992, *Sự mát ngủ của lừa* trình làng, Nguyễn Quang Thiều nổi lên như một hiện tượng cách tân táo bạo và mới mẻ. Những ám ảnh về làng Chùa, về quê hương đeo đẳng cho đến tận hiện tại, cùng với đó là đậm đặc hơn những đồ vỡ, những ngấm ngội về mát mát, về sự tồn tại của con người trong cuộc sống thực tại. Cùng với dấu mốc đó, văn học đương đại chứng kiến sự xuất hiện của các tác giả, sự ra đời một loạt những tác phẩm theo tinh thần đổi mới. “Freud, khi đề cập tới việc đọc một tác phẩm văn học, cho rằng, đọc là phát hiện diễn tiến hóa thân của những yếu tố làm nên tác phẩm. Như vậy, ý nghĩa của bài thơ không quan trọng, mà quan trọng là cách nó tạo ra nghĩa” [dẫn theo 5, tr.158]: *Cây ánh sáng* của Nguyễn Quang Thiều đưa bạn đọc tham dự vào một hành trình đi tìm câu trả lời cho: *Trái tim chàng kia ư? giản dị làm sao, bí ẩn làm sao, trần trụi và đau đớn làm sao.../ Chàng là ai? Chàng sinh ra trên thế gian này với sứ mệnh gì? Chàng có phải là một côn trùng tội lỗi? Một thế*

giới với những hình ảnh trùng điệp được mang ra cắt nghĩa: *một túp lều nhỏ nhoi tự do trên thế gian, một côn trùng không lồ không cánh, ngôi sao cô độc trong vũ trụ vô tận, lạc đà chết trên lưng bao tải cát,...* để rồi cuối cùng hiện lên mối quan hệ vừa chằng chịt đan cài, vừa như phân tách: *Cả hai không còn con đường nào để lẫn trốn nhau, giờ đối mặt nhau, và đây là con đường cứu rỗi: Mi là ta bóng tối và ta là mi ánh sáng;/ Mi là niềm kiêu hãnh của ta và nỗi thống khổ của ta.* Với Nguyễn Quang Thiều, ánh sáng mỗi khi cháy lên là một nghi lễ, với ánh sáng, con người có thể tha hồ bay bổng trong trí tưởng tượng và những suy tư của mình; nó mang đến không gian thiên định nhưng cũng có thể khơi dậy những giảng xé.

Khi đã đi qua những khúc ngoặt, khi những đôi mới được kế thừa, việc bút phá khỏi những chuẩn mực là một tất yếu của quy luật vận động. Cũng tương tự như thời kì của Thơ mới, vấn đề đặt ra là các nhà thơ đương đại sẽ tiếp tục hành trình đó như thế nào để tự vượt qua và đổi mới? Ở đó là sự chấp nhận đa dạng những lối mở trong biểu hiện: Nguyễn Linh Khiếu với một số sáng tác thách thức cách đọc thơ thông thường; Đoàn Văn Chúc đánh thức thị giác; Đinh Thị Như Thúy tạo hiệu ứng với sự giao thoa thể loại; trong khi đó, Đỗ Doãn Phương giản dị hơn: *Người bán cây chanh đi qua vườn chanh/ Những cây chanh trong vườn ngẫm nghĩ/ Về một ngày chúng sẽ mang cả bầu đất dưới chân đi chuyên/ Người bán xà cừ đi dưới cây xà cừ/ Nó chọt nghĩ về cuộc đời cổ thụ/ Vườn lên chiều cao hay ăn xuống bề sâu,/ nó đều đã có// Người bán cây đi qua xường cửa/ Những tấm gỗ trơn nhẵn nằm tự do (Người bán cây giống)*

Hiện nay, sự phát triển của mạng xã hội không hẳn tạo ra thế cạnh tranh mà còn hỗ trợ xuất bản truyền thống. Lúc này, một đội ngũ mới trưởng thành cất tiếng nói thể hệ, tự tin và bình đẳng. Trong một công trình khảo sát về không gian mạng - không gian xuyên quốc gia của thơ Việt, Trần Ngọc Hiếu đã thống kê chi tiết những mốc đáng chú ý của cuộc biến động này với sự ra đời của một loạt trang web: Tiền Vệ, Talawas, Da Màu, Gió-O¹,... Trong nước, eVan xuất hiện năm 2003, trở thành một diễn đàn văn chương cởi mở, trao đến những cơ hội kích thích sự khác biệt trong sáng tạo, nhưng rồi cũng dừng hoạt động theo định hướng ban đầu. Sau đó là cuộc trình hiện rồi bị soán ngôi của forum, blog Yahoo và hiện tại đang chiếm ưu thế là facebook. Chủ thể thực hành-sáng tạo là những tác giả trẻ táo bạo hơn trong những thử nghiệm. Dù dường như có lúc vẫn loay hoay khi định hình một chất giọng cho thể hệ mình, nhưng không ít những sáng tác thể hiện được cái thú vị, cho thấy một nỗ lực trong việc cách tân thơ Việt hiện nay. Có thể nói, quá trình tìm kiếm chủ thể sáng tạo cho thấy thơ giai đoạn này dường như đề cao tính “hợp tác” từ phía độc giả khi chiếm lĩnh tác phẩm. Mỗi văn bản thơ tự thân không hướng tới tính ổn định (dĩ nhiên không thể ổn định và khép kín) mà nó luôn tồn tại sự chuyển dịch, như một gợi dẫn, một phác thảo vẫy gọi đồng sáng tạo. Chủ thể sáng tạo là tác giả lúc này dù chủ động lựa chọn một cấu trúc, hệ thống ngôn ngữ,... và do thế cũng trở thành một mắt xích trong chuỗi biểu đạt. Đối lập với xu

¹ Xem thêm: Trần Ngọc Hiếu, “Internet và cộng đồng tưởng tượng của thơ ca: Một khảo sát về thơ mạng Việt ngữ những năm đầu thế kỷ XXI” | hải ngọc’s Weblog (wordpress.com).

hướng hướng đến quảng đại quần chúng đó là xu hướng hướng đến quần chúng văn nghệ và hướng đến chính mình của một thế hệ luôn đặt ra những giới hạn cách tân và ý thức nỗ lực vượt qua; bởi lịch sử phát triển của con người cá nhân được xác định qua tiến trình chủ thể hóa, và tiến trình ấy cho thấy “có một sự rạn nứt hay cắt đứt trong tương quan giữa con người với thế giới, một không gian định chế vốn đặt con người dưới sự lệ thuộc vào những hệ giá trị truyền thống” [7, tr.422].

3. Chủ thể trữ tình

Đi vào đối tượng được coi là trung tâm của thực thể thi ca đương đại, chúng tôi muốn đề cập tới chủ thể trữ tình - một yếu tố mang tính nội sinh của tác phẩm. Chủ thể trữ tình của thơ đương đại vẫn luôn luôn trong một cuộc kiếm tìm vô tận. Trong phần tiếp cận này, bài viết đề cập đến hai cuộc tìm kiếm: *tìm kiếm chủ thể qua tính dục* và *tìm kiếm bản thể thông qua ý thức bất định về hiện tại*. Chủ đề thứ nhất hoàn toàn không mới nhưng biểu đạt cụ thể hơn, thể chất hơn. Nó là đối tượng để khám phá chứ không còn là phương tiện. Nếu so sánh thơ của hai nhà thơ nữ là Dư Thị Hoàn và Vi Thùy Linh, vấn đề tính dục có lẽ cần một sự lí giải, căn cứ vào sự chuyển biến trong hai chặng phát triển của thơ Việt Nam từ sau Đổi mới.

Với Dư Thị Hoàn cũng như nhiều tác giả đương thời (và cả trước đó - Đổi mới) thì viết về tính dục đã được đề cập không ngần ngại, e dè. Tuy thế, sự bạo dạn trong tình yêu, yếu tố tính dục là một cái cớ để nói cả những thông điệp khác. Đoàn Thị Lam Luyện thiết tha: *Giá được một chén say mà ngủ suốt triệu năm/ Khi tình dậy anh đã chia tay với người con gái ấy/*

Giá được anh hẹn hò dù phải chờ lâu đến mấy/ Em sẽ chờ như thể một tình yêu/... (Huyền thoại); Dư Thị Hoàn quyết liệt với tư thế không bi lụy mà dám tự tin khước từ những ích kỉ trong tình yêu. Phần kết bài *Tan vỡ* đưa người đọc đến bất ngờ: *Tất cả rồi để qua đi, qua đi/ Chúng mình sẽ thành vợ thành chồng/ Nếu không có một lần/ Một lần như đêm nay/ Sau phút giây/ Êm đềm trên ghế đá/ Anh không cài lại khuy áo ngực cho em.* Đối với chủ thể sáng tác của Dư Thị Hoàn, đó là một hành vi nhận thức mang tính xã hội sâu sắc. Họ đòi hỏi một sự chăm sóc, một sự quan tâm ở người đàn ông như một đối tác xã hội. Dù đòi hỏi một sự công bằng như thế, chủ thể trữ tình của Dư Thị Hoàn vẫn là một người phụ nữ truyền thống, tinh tế khi thấy “bẽ bàng” sau hành vi của người đàn ông; bởi lẽ, họ vẫn ở tư thế bị động - tư thế của những chủ thể bị khách thể nhìn. Điều có thể gây sốc với công chúng đương thời không phải là vì họ dám lên tiếng vì khát vọng công bằng mà vì chủ thể trữ tình nữ giới nói đến một hành vi tính dục trong thơ. Nghịch lí thay, chính phản ứng của công chúng đã bắt đầu đi xa hơn điều mà chủ thể trữ tình dự tính, bởi vô tình họ nhận ra những khao khát thầm kín của người phụ nữ trong một mong muốn được giải phóng. Tuy thế, chủ thể người phụ nữ trong thơ Dư Thị Hoàn dù khát khao vươn lên sự hòa nhập, hạnh phúc tròn đầy vẫn ý thức được sự tuyệt đối là không thể, và chấp nhận dừng lại ở một giới hạn: *Nếu anh cũng như em/ đòi nhau sự viên mãn/ thì điểm gặp nhau của chúng ta/ còn thảm hại hơn hai hòn bi (Viên mãn).*

Chủ thể nữ trong thơ thế hệ sau Dư Thị Hoàn đã rất khác. Chủ thể ấy chủ động phô bày mong muốn và khao khát thể hiện những bản năng sâu kín nhất. Chẳng

hạn, với một nhà thơ nữ trẻ hơn khi đó là Vi Thùy Linh, nhìn từ tư thế của chủ thể đương đại thì tính dục dường như là cái đích ngắm. Nhà thơ viết về tính dục chính bởi đó là một nhu cầu, là hành động tự cắt rời khỏi mọi mối quan hệ xã hội để đào sâu vào cái cá nhân nhất có thể: *Trên lưng Anh, bơi mãi miết ngón ngón em dài trắng/ Môi em trườn đêm căng/ Duỗi chân dài, em nói những ranh giới, những núi đồi, sông biển, nhịp nhịp qua cầu đuôi muốt/ Vào lúc Anh lên em lên Anh/ Thụ tạo giấc mơ áp ủ/ Em đạt khát khao làm Mẹ (Nơi ánh sáng - Vi Thùy Linh)*. Nói một cách nghiêm cẩn, tác giả vẫn sử dụng các ẩn dụ, dù nói trực diện đến những hành vi thể xác. Đó hẳn là một cách tạo khoảng cách giữa cuộc sống và văn chương: *Thềm mưa thềm mưa/ Phấn hoa bay trên làn da cảm thạch/ Trời trong vắt như bình vang trắng/ 'Con gió đực/ Làm tình một mình trên mái'/ Anh tô son môi em chín chín lần trong buổi tối bằng môi anh/.../ Chiều ngọc lam/ Xem trẻ con chơi/ Anh lại tô mộng môi em bằng môi anh, lần thứ chín trăm chín chín (Bản đồ tình yêu)*. Dường như trước kia, đó chỉ là phương tiện “chuyên chở”; còn giờ đây, sự khám phá chính mình qua ngôn từ thể xác được biểu đạt trực tiếp trong thơ. Vấn đề tính dục, khi trước là câu chuyện của bản năng như một cái cơ. Còn giờ đây, khi đời sống hiện đại làm trơn hóa những cảm xúc, bào mòn giác quan thì những văn thơ với việc tái hiện trực diện hành động tính dục làm cho xoáy sâu vào những cảm xúc của con người. Qua đó, kẻ thực hành-sáng tạo có ý thức rõ hơn về hiện hữu của chính mình. Thơ của họ trước hết là biểu đạt về đời sống họ, để tìm kiếm chính họ. Cho nên khi đó, ngay cả một chủ thể trữ tình nam giới với một hệ ngôn từ trừu tượng cũng

chìm vào những biểu đạt đậm màu thân xác: *Anh nghe bóng đêm tan trên cơ thể em/ bóng đêm chạy trốn/ Những khoảnh khắc trong đêm/ những đường cong như sóng vươn về phía trước/ hơi thở như gió/ đắm say và gấp gáp// Anh chiếm chỗ bóng đêm/ cơ thể lún sâu đến kiệt sức/ những khoảnh khắc trong đêm/ sâu lắng và bí ẩn (Anh chiếm chỗ bóng đêm - Trương Đăng Dung)*. Trong không khí của thứ thơ thiên về siêu nghiệm, việc xuất hiện những hình ảnh như trên cho thấy ý thức rõ rệt của thơ Trương Đăng Dung về mặt thể xác, đó dường như là một hành động chủ ý chống lại sự bào mòn của những cảm xúc trong đời sống hiện đại. Thể xác và hành vi tính dục không còn ẩn dụ mà được nhắc đến trực tiếp. Sự không tránh né cho thấy văn chương gắn làm một với sự sống. Nói cách khác, thơ là để sống trải theo một chiều kích khác. Nhưng một câu hỏi có thể được đặt ra, chỗ khác nhau giữa lời nói mang tính thô tục, thân xác với những biểu đạt văn chương với thân xác như thế nào? Sự khác biệt thực sự khó nêu ra nếu chỉ cắt khúc những câu thơ đó ra khỏi ngữ cảnh. Bởi giống như trái đất với sự sống trên đó, ngữ cảnh luôn là một thứ từ trường đủ mạnh để duy trì sự tươi mới của ngôn từ và bảo vệ nó khỏi những sự xâm phạm của sự diễn giải. Từ trường trong một bài thơ được coi là có giá trị sẽ cho phép tác giả phóng túng sáng tạo và biểu đạt những gì là sự sống chân thực nhất nhằm đi tìm chủ thể của chính mình trong một thế giới chứa đầy những sự *biểu đạt gần giống như thế*.

Vấn đề tính dục trong thơ hai mươi năm đầu thế kỷ, có thể cho phép nhìn ra ba sự biểu đạt: 1/ cảm giác về thân xác gắn với sự tồn tại vật chất quan sát được, trong cùng một hệ thống cảm giác, thị giác

và xúc giác mà trước kia chỉ được biểu đạt một cách ước lệ. 2/ biểu đạt trực diện về tính dục là nỗ lực chống lại sự ước lệ, máy móc của tư duy khi nhắc đến hành động vốn được coi như cấm kỵ phô bày trong đời sống thường ngày; bởi nó được quan niệm là một sự riêng tư, không nên thể hiện trực diện. 3/ Viết về tính dục là ý thức về sự làm chủ thể xác trong một thế giới có quá nhiều biểu đạt tương tự có thể khiến người ta bị lạc lối. Tính làm chủ được đề cao khi con người đối diện với sự bất an, bất trắc của đời sống, vì giờ đây họ trước hết cần làm chủ chính chiều sâu thân xác và tâm hồn mình. Do đó trong sáng tác, họ cố tình làm nổi bật, phô bày trần trụi những cảm giác, hành động cụ thể. Trong những sáng tác thơ giai đoạn này, vấn đề này được trở đi trở lại bằng quan niệm cởi mở như một cách giải phóng bản ngã, bày tỏ quan điểm và thái độ khi đối diện với mọi mặt của đời sống con người. Viết về tính dục, không chỉ là miêu tả những khoái lạc thân xác đơn thuần, mà ở đó, bao hàm cả những hành vi, quan điểm; thậm chí, đề tài rất cũ đó còn trao cho chủ thể một quyền năng mạnh mẽ để ý thức hơn về chính những sự tồn tại của mình.

Bên cạnh sự tìm kiếm bản thể thông qua ý thức về tính dục trong thơ, chủ thể trữ tình thơ đương đại còn có *ý thức bất định về bản thể*. Các nhà thơ thể hiện cuộc hành trình không ngừng nhận thức, khám phá, soi rọi, cắt nghĩa, lí giải về bản thân mình trong thời đại của mình. Bởi thế, những miền sâu kín, những góc khuất và cả những ẩn ức, mộng mị cũng được phơi bày theo cách riêng. Ở đây, có thể nhận thấy sự tiếp nối của thơ những năm sau 1975, đặc biệt là 1986, trong một bối cảnh xã hội khác, một bầu không khí thơ khác. Càng gần những năm đầu thế kỷ XXI, khi mà

“thế giới phẳng” cùng những tác động của cuộc cách mạng công nghệ, nhịp vận động dường như còn theo cấp số nhân. Chính sự biến động xã hội xảy ra nhanh chóng khiến con người cảm thấy bất an, lo âu; bởi thế, thơ cũng tái hiện sự khủng hoảng tâm thế ấy. Cũng như chủ thể tính, căn tính theo nghĩa truyền thống đã bị truy vấn lại, nhất là từ quan điểm phân tâm học. Thực vậy, khi các chuyên gia phân tâm học chỉ ra vai trò vô thức trong tiến trình phát triển của cá nhân, thì quan niệm về một căn tính như là sự thống nhất của con người và của ý thức đã bị phản bác mạnh mẽ [7, tr.439]. Trong thơ đương đại, hành trình đi tìm bản thể, nói như A. Rimbaud, “Tôi là kẻ khác” chính là hành trình “trở thành”, tức là một căn cước đang hình thành hay chính xác hơn là một quá trình chủ thể hóa đang diễn ra. “Tiến trình chủ thể hóa cũng có thể được hiểu như là tiến trình cá nhân hóa, đặc biệt trong ý nghĩa của Michel Foucault. Ông đề cao những hình thức quan tâm bản thân, tính đặc thù và cá nhân trước mọi hình thức chuẩn hóa khác” [7, tr.434]. *Chiều xuống rồi* của Dương Kiều Minh bắt đầu bằng những khám phá về sự tồn tại của con người, những bí ẩn của cuộc sống:

Loài bướm ẩn mình trong vỏ kén ba tháng mùa đông,

Con người mấy chục năm tự nhốt trong chiếc vỏ của mình,

Chẳng một lần cắn vỏ bay vọt lên cùng trời đất (...)

Ôi, giấc mộng Trang Chu mãi mãi là giấc mộng - một cánh bướm mỏng tang thách thức cả kiếp người (...)

Ôi, đời sống là những ẩn ngữ, chúng ta không bao giờ đọc hết ý nghĩa của nó.

Phần 4 của bài thơ với sự lặp 4 lần *Chiều xuống rồi* và mỗi khúc ca là mở ra một cõi: con người tắt bật bươn bả trên thế gian, thế giới của chày trôi vắng bóng những con đò và tiếng người hú gọi, âm nhạc của Bach, và cuối cùng là bóng tối sập xuống, loài người bơi mãi trong thế giới mơ hồ mà quyến rũ của ảo giác. Việc soi chiếu và khám phá bản thể là một cách đối thoại không chỉ với bản thân mà có thể là một cách phản ứng lại với quan niệm quen thuộc, tác phẩm văn học chuyển tải thông điệp gì, viết cho ai và viết như thế nào? Ở đó diễn ra hành trình song song khi vừa để mặc sự tự phôi bày một cách hồn nhiên nhất, vừa không ngừng suy tư về hiện hữu. Có khi tự định nghĩa mình là hạt mưa ở trên trời, muôn đời trong suốt, bay lên từ căn bếp mịt mù rom rạ,... nhưng phải quá nửa đời người mới chợt ngộ ra “bí quyết mẹ đã làm ra ta”: *ngút ngàn bay hơi từ nỗi gao nếp cái hoa vàng cánh đồng làng/ ngút ngàn bay lên hôi hôi ngát ngậy căn bếp chật chội/ ngút ngàn bay lên trong suốt vẫn vũ/ một ngày đất đai hạn hán mẹ gọi ta về/... (Hạt mưa - Nguyễn Linh Khiếu)*. Nếu như thơ Nguyễn Linh Khiếu, hạt mưa bé nhỏ trở thành một ẩn dụ không chỉ cho góc gác của con người, mà còn là một vòng tuần hoàn triết lí, sau bao nhiêu hóa thân lại trở về đắm mình trong da thịt quê hương thì độc giả cũng bắt gặp sự trầm tư này khi “tĩnh lặng” cảm nhận nhịp điệu của sự tận hiến trong thơ Mai Văn Phan: *Nỗi nhớ biến thành sương khói/ Lá khô thoát xác bay lên/ Tôi thì nồng nàn như đất/ Để em linh ẩn chùa chiền (Thoáng thu)*. Thử sức ở nhiều chủ đề, có lúc như hóa thân vào cây cỏ, và ở mỗi khúc của trên hành trình đời mới của mình, Mai Văn Phan lại chuẩn bị nhiều hành trang để thay đổi và

đi xa. Trường hợp Mai Văn Phan cho thấy sáng tác văn chương “không phải là ân huệ trời ban, mà là tổng thể những dự đoán và quyết định, nhờ chúng, con người hiện thực hóa bản thân (tức là tựa như tìm thấy bản chất) một cách trực tiếp trong hành vi nói” [15, tr.251]. Nhìn ở những sáng tác tự thuật, Phạm Văn Quang qua những phân tích cho rằng, chủ thể tính đương đại thể hiện những nét đặc trưng của chủ thể bị sáp nhập vào cái vô thức. Hình ảnh chủ thể tính đương đại cho phép chúng ta nhận ra một sự đối lập giữa nguyên lí thấu suốt chính mình và sự hiện hữu mờ đục và dày đặc của con người, “giúp hiểu hơn thân phận của con người trong thời kì hiện đại khi mọi sự vật khách thể có vẻ đang tiến về một tình trạng hư không. Mỗi cá nhân, nhân vật trong văn bản văn học, là cá thể, từ ý thức về ý nghĩa hiện hữu đặc thù của bản thân như một thể thống nhất, đều phải đi đến đối diện với những điều kiện đòi hỏi phải bước vào những chuyển hóa, tái cấu trúc và siêu nghiệm để phục sinh trong một sự hiện hữu mới mẻ” [7, tr.467].

“Đắm mình trong những suy tư về việc *viết thế nào*, rớt cuộc, nhà văn tất yếu phải chạm trán với một trong những vấn đề hoàn toàn còn để ngỏ: vì sao thế giới lại như vậy? ý nghĩa của vạn vật là ở đâu? Cuối cùng, khi đã đạt được mục đích tự thân, lao động của nhà văn đồng thời bắt đầu trở thành nhân tố trung gian; nhà văn thấy rõ văn học như một mục đích, nhưng trong thực tế, nó lại biến thành phương tiện, văn học liên tục đánh lừa sự chờ đợi của nhà văn, và chính ở chỗ lừa gạt này, nó hợp nhất với thế giới - với cái thế giới kì quặc, một thế giới hiện lên trong văn học chỉ như một câu hỏi, mà chẳng bao giờ là lời giải đáp *cuối cùng*” [15, tr.249-

250]. Bởi thế, nhìn trong tiến trình thơ tương ứng với tiến trình của chuỗi dài “phát hiện và phủ định” hiện nay cho phép những khám phá và biểu đạt không khước từ truyền thống mà tìm những lối chuyển tải thể chất nhất.

Thơ qua hai thập kỷ nhận được những đánh giá trái chiều; và, vẫn bắt sóng với cuộc sống nhiều chuyển động mà không đi rời khỏi đời sống chính trị - xã hội và con người. Trong quá trình vận động liên tục của hai thập niên văn học đầu thế kỷ XXI, có nhiều sự kiện nhất định được xác lập, nhưng lại chưa thực sự có được những dấu mốc đáng kể để định vị, như người ta có thể kì vọng so sánh với những gì từng diễn ra cách đây gần một thế kỷ. Hai mươi năm này chưa có một cuộc cách mạng thơ; hành trình tìm một hướng đi mới mẻ, làm nên một thời đại mới trong thơ ca vẫn còn chưa có một con đường sáng nhưng đã có những tiếng gọi sáng. Phác họa diện mạo thơ giai đoạn này qua những sự đan cài, gặp gỡ giữa chủ thể tiếp nhận, chủ thể thực hành-sáng tạo và chủ thể trữ tình dĩ nhiên không nhằm “tiên báo” những gì sẽ đến. Không khó để nhận ra rằng một tác nhân, một yếu tố cụ thể theo cách nhìn cũ có thể cùng hiện diện một lúc ở hai, hoặc thậm chí ba vai chủ thể khác nhau. Đó không phải là một sự phân thân của các vai. Đó là một đề xuất cách nhìn khác về đối tượng rất gần với người quan sát, vừa trừu tượng hơn vừa chi tiết hơn, để từ đó nhận ra rằng, thơ đương đại vẫn luôn tồn tại như một điều có thực của những nhu cầu, những khả năng, những lời đáp mà cuộc sống cần đến.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trương Đăng Dung (2011), *Những kỳ niệm tương tượng*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại: Tiến trình và hiện tượng*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [3] Lê Anh Hoài (2012), *Mảnh mảnh mảnh* (thơ đa ngữ), Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4] Hội Nhà văn Việt Nam (2020), *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (in lần thứ V), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5] Khê Iêm (2011), *Vũ điệu không vãn- Tứ khúc và những tiểu luận khác*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] H.-R. Jauss (2015), *Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học*, Huỳnh Văn dịch, Tạp chí Khoa học - Đại học Văn hiến, số 9.
- [7] Nguyễn Đức Lộc (chủ biên, 2016), *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại* (Tập 2: Những người thiếu số ở đô thị: Lựa chọn, trở thành, khác biệt), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Đức Lộc (chủ biên, 2018), *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại* (Tập 3: Người trẻ trong xã hội hiện đại), Nxb. Văn hóa văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
- [9] Ly Hoàng Ly (2005), *Lô lô*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [10] Nhiều tác giả (2009), *Nghiên cứu văn học Việt Nam, những khả năng và thách thức*, Tuyển tập chuyên khảo do Viện Harvard - Yenching tài trợ, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [11] Nhiều tác giả (2009), *Thơ trẻ 360°*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [12] Nhiều tác giả (2010), *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [13] Nhiều tác giả (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- [14] Nhiều tác giả (2011), *Kỳ yếu thơ Việt Nam hiện đại nhìn từ miền Trung*, <http://vanvn.net>.
- [15] Lã Nguyên (Tuyển dịch, 2012), *Lí luận văn học - những vấn đề hiện đại*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [16] Mai Văn Phấn (2010), *Bầu trời không mái che*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [17] Mai Văn Phấn (2012), *Hoa giấu mặt*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [18] Đỗ Doãn Phương (2011), *Hoan ca*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Quang Thiều (2010), *Châu thổ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.